

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STOCK MART  
VIỆT NAM**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2010**



## MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u>                      | <u>TRANG</u> |
|--------------------------------------|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC             | 1            |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN                    | 2            |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN                 | 3 - 4        |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 5            |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ           | 6            |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH        | 7 - 18       |

00  
CỔ  
CH  
DE  
TỆ  
Đ



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Stock Mart Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

|                       |                                                 |
|-----------------------|-------------------------------------------------|
| Bà Nguyễn Mai Phương  | Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 12 tháng 10 năm 2010)   |
| Ông Trần Vũ Thái Hòa  | Ủy viên (bổ nhiệm ngày 12 tháng 10 năm 2010)    |
| Bà Lê Hồng Hoa        | Ủy viên (bổ nhiệm ngày 12 tháng 10 năm 2010)    |
| Ông Trần Đình Lâm     | Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 12 tháng 10 năm 2010) |
| Ông Vũ Duy Thành      | Ủy viên (miễn nhiệm ngày 12 tháng 10 năm 2010)  |
| Ông Nguyễn Bá Dương   | Ủy viên (miễn nhiệm ngày 12 tháng 10 năm 2010)  |
| Ông Nguyễn Quang Định | Ủy viên (miễn nhiệm ngày 12 tháng 10 năm 2010)  |

#### **Ban Giám đốc**

|                         |                                                           |
|-------------------------|-----------------------------------------------------------|
| Ông Đoàn Trí Nghĩa      | Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 25 tháng 1 năm 2011)         |
| Ông Nguyễn Tiến Lộc     | Quyền Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 17 tháng 1 năm 2011) |
| Bà Nguyễn Thị Thu Hương | Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 4 tháng 11 năm 2010)   |

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Nguyễn Mai Phương**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 31 tháng 3 năm 2011



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Chứng khoán Stock Mart Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Chứng khoán Stock Mart Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 18. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc tới Thuyết minh số 6 (iv) của phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Ngày 30 tháng 11 năm 2010, Công ty đã ký kết hợp đồng với một đối tác để nhận chuyển nhượng 1.910.700 chứng quyền đính kèm trái phiếu FPT ký với tổng giá trị 238.338.628.000 đồng. Đồng thời, cùng ngày 30 tháng 11 năm 2010, Công ty đã ký kết hợp đồng cam kết chuyển nhượng số chứng quyền này cho một đối tác khác. Thời điểm chuyển nhượng là ngày 30 tháng 11 năm 2011. Mặc dù tại ngày lập báo cáo, không có thông tin giao dịch trên thị trường liên quan tới các chứng quyền này nhưng Ban Giám đốc Công ty đánh giá và tin tưởng rằng đây là các chứng khoán có tiềm năng và được phát hành bởi công ty có uy tín, tiềm năng. Đồng thời, đối tác nhận chuyển nhượng là một đối tác có tiềm năng và uy tín nên chắc chắn sẽ thực hiện hợp đồng nhận chuyển nhượng số chứng quyền trên khi hợp đồng đến hạn thực hiện. Theo đó, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá đối với các chứng quyền này.



**Trương Anh Hùng**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0029/KTV

**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 31 tháng 3 năm 2011  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Đặng Văn Khải**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0758/KTV



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STOCK MART VIỆT NAM**

Tầng 1, Tòa nhà Hàng Hải, Số 1 Đào Duy Anh, quận Đống Đa

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Mẫu số B 01-CTCK**

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN                                             | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2010               | 31/12/2009             |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------|------------------------|
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b><br>(100=110+120+130+150) | <b>100</b> |             | <b>1.341.327.009.003</b> | <b>180.818.032.891</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | <b>5</b>    | <b>173.609.169.066</b>   | <b>11.838.586.468</b>  |
| 1. Tiền                                             | 111        |             | 173.609.169.066          | 11.838.586.468         |
| <b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>      | <b>120</b> | <b>6</b>    | <b>1.122.838.628.000</b> | <b>55.397.539.000</b>  |
| 1. Đầu tư ngắn hạn                                  | 121        |             | 1.122.838.628.000        | 56.045.335.518         |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn                | 129        |             | -                        | (647.796.518)          |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             | <b>130</b> |             | <b>38.983.881.447</b>    | <b>112.888.371.076</b> |
| 1. Phải thu của khách hàng                          | 131        |             | 272.880.000              | -                      |
| 2. Trả trước cho người bán                          | 132        |             | 705.148.900              | 18.334.375.061         |
| 3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán         | 135        | 7           | 35.071.500.796           | 93.658.006.833         |
| 4. Các khoản phải thu khác                          | 138        | 8           | 2.934.351.751            | 895.989.182            |
| <b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>                    | <b>150</b> |             | <b>5.895.330.490</b>     | <b>693.536.347</b>     |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        |             | 28.701.664               | 1.906.664              |
| 2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước              | 154        |             | 527.826                  | -                      |
| 3. Tài sản ngắn hạn khác                            | 158        | 9           | 5.866.101.000            | 691.629.683            |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)</b>         | <b>200</b> |             | <b>3.443.463.879</b>     | <b>85.831.926.580</b>  |
| <b>I. Tài sản cố định</b>                           | <b>220</b> |             | <b>2.636.989.684</b>     | <b>33.348.671.088</b>  |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                         | 221        | 10          | 1.496.130.682            | 1.991.144.099          |
| - Nguyên giá                                        | 222        |             | 4.129.370.915            | 4.701.085.623          |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                            | 223        |             | (2.633.240.233)          | (2.709.941.524)        |
| 2. Tài sản cố định vô hình                          | 227        | 11          | 591.668.502              | 30.808.336.489         |
| - Nguyên giá                                        | 228        |             | 2.521.179.738            | 31.969.144.738         |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                            | 229        |             | (1.929.511.236)          | (1.160.808.249)        |
| 3. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang           | 230        |             | 549.190.500              | 549.190.500            |
| <b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>       | <b>250</b> |             | <b>-</b>                 | <b>52.225.000.000</b>  |
| 1. Đầu tư chứng khoán dài hạn                       | 253        |             | -                        | 48.300.000.000         |
| 2. Đầu tư dài hạn khác                              | 258        |             | -                        | 14.200.000.000         |
| 3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn       | 259        |             | -                        | (10.275.000.000)       |
| <b>III. Tài sản dài hạn khác</b>                    | <b>260</b> |             | <b>806.474.195</b>       | <b>258.255.492</b>     |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                        | 261        |             | 68.023.571               | 112.520.627            |
| 2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán                   | 263        |             | 262.650.624              | 145.734.865            |
| 3. Tài sản dài hạn khác                             | 268        |             | 475.800.000              | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>              | <b>270</b> |             | <b>1.344.770.472.882</b> | <b>266.649.959.471</b> |

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 18 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STOCK MART VIỆT NAM**Tầng 1, Tòa nhà Hàng Hải, Số 1 Đào Duy Anh, quận Đống Đa  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Mẫu số B 01-CTCK**

Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN                                     | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2010               | 31/12/2009             |
|-----------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------|------------------------|
|                                               |            |             |                          |                        |
| <b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>           | <b>300</b> |             | <b>1.208.286.484.694</b> | <b>131.371.742.058</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                         | <b>310</b> |             | <b>1.168.136.484.816</b> | <b>19.457.164.058</b>  |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn                         | 311        | 12          | 300.000.000.000          | 267.665.100            |
| 2. Phải trả người bán                         | 312        | 13          | 450.006.553.800          | 16.041.557.919         |
| 3. Người mua trả tiền trước                   | 313        |             | 118.000.000              | 58.000.000             |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước        | 314        | 14          | 684.554.614              | 85.880.625             |
| 5. Phải trả người lao động                    | 315        |             | -                        | 159.790.045            |
| 6. Chi phí phải trả                           | 316        |             | 283.333.333              | -                      |
| 7. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán   | 320        |             | 671.008.008              | 2.786.799.304          |
| 8. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu  | 321        |             | -                        | 28.502.370             |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 328        | 15          | 416.373.035.061          | 28.968.695             |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                         | <b>330</b> |             | <b>40.149.999.878</b>    | <b>111.914.578.000</b> |
| 1. Phải trả dài hạn khác                      | 333        |             | -                        | 100.283.000.000        |
| 2. Vay và nợ dài hạn                          | 334        |             | -                        | 11.631.578.000         |
| 3. Doanh thu chưa thực hiện                   | 338        | 16          | 40.149.999.878           | -                      |
| <b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>            | <b>400</b> |             | <b>136.483.988.188</b>   | <b>135.278.217.413</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                      | <b>410</b> | 17          | <b>136.483.988.188</b>   | <b>135.278.217.413</b> |
| 1. Vốn điều lệ                                | 411        |             | 135.000.000.000          | 135.000.000.000        |
| 2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ             | 418        |             | 45.804.456               | 45.804.456             |
| 3. Lợi nhuận chưa phân phối                   | 420        |             | 1.438.183.732            | 232.412.957            |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>      | <b>440</b> |             | <b>1.344.770.472.882</b> | <b>266.649.959.471</b> |

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

|                                                            | 31/12/2010             | 31/12/2009            |
|------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|
|                                                            | VND                    | VND                   |
| <b>1. Chứng khoán lưu ký</b>                               | <b>213.650.840.000</b> | <b>27.874.080.000</b> |
| 1.1 Chứng khoán giao dịch của các nhà đầu tư theo mệnh giá | 213.650.840.000        | 27.874.080.000        |

Nguyễn Mai Phương  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 31 tháng 3 năm 2011

Nguyễn Mạnh Cường  
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 18 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu số B 02-CTCK

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU                                              | Mã số | Thuyết minh | 2010             | 2009            |
|-------------------------------------------------------|-------|-------------|------------------|-----------------|
| 1. Doanh thu                                          | 01    |             | 19.777.166.659   | 56.992.584.233  |
| Trong đó:                                             |       |             |                  |                 |
| Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán              | 01.1  |             | 3.815.663.683    | 3.165.031.143   |
| Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn       | 01.2  |             | 13.859.657.750   | 53.079.105.350  |
| Doanh thu hoạt động tư vấn                            | 01.5  |             | 27.000.000       | 50.000.000      |
| Doanh thu khác                                        | 01.9  |             | 2.074.845.226    | 698.447.740     |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                       | 02    |             | -                | -               |
| 3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02) | 10    |             | 19.777.166.659   | 56.992.584.233  |
| 4. Chi phí hoạt động kinh doanh                       | 11    | 18          | (572.742.470)    | 8.820.913.344   |
| 5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)  | 20    |             | 20.349.909.129   | 48.171.670.889  |
| 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp                       | 25    |             | 7.871.603.846    | 9.065.384.758   |
| 7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25) | 30    |             | 12.478.305.283   | 39.106.286.131  |
| 8. Thu nhập khác                                      | 31    | 19          | 31.231.331.983   | 4.857.629       |
| 9. Chi phí khác                                       | 32    | 20          | 42.350.959.606   | 3.538.831.092   |
| 10. Lợi nhuận khác (40=31-32)                         | 40    |             | (11.119.627.623) | (3.533.973.463) |
| 11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)      | 50    |             | 1.358.677.660    | 35.572.312.668  |
| 12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành      | 51    | 21          | 109.558.961      | 77.470.986      |
| 13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp          | 60    |             | 1.249.118.699    | 35.494.841.682  |
| (60=50-51)                                            |       |             |                  |                 |



Nguyễn Mai Phương  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 31 tháng 3 năm 2011

Nguyễn Mạnh Cường  
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 18 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Mẫu số B 03-CTCK**  
Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU                                                          | Mã số     | 2010                     | 2009                   |
|-------------------------------------------------------------------|-----------|--------------------------|------------------------|
| <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                 |           |                          |                        |
| 1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh                               | 01        | 12.851.340.724           | 4.386.261.298          |
| 2. Tiền chi hoạt động kinh doanh                                  | 02        | (478.938.971)            | (9.188.085.814)        |
| 3. Tiền chi nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán                             | 05        | (116.915.759)            | (21.597.609)           |
| 4. Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng                      | 06        | 1.832.550.648.049        | (271.284.378.733)      |
| 5. Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng                  | 07        | (1.221.801.407.109)      | (11.884.474.000)       |
| 8. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ              | 10        | (28.243.435.761)         | (25.545.228.428)       |
| 9. Tiền chi trả người lao động                                    | 11        | (1.961.687.959)          | (2.245.339.226)        |
| 10. Tiền chi trả lãi vay                                          | 12        | (527.569.885)            | (1.664.406.815)        |
| 11. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp                       | 13        | (123.243.218)            | -                      |
| 12. Tiền thu khác                                                 | 14        | 322.091.429.407          | 1.216.353.399.354      |
| 13. Tiền chi khác                                                 | 15        | (505.881.888.043)        | (882.475.333.762)      |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>              | <b>20</b> | <b>408.358.331.475</b>   | <b>16.430.816.265</b>  |
| <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                    |           |                          |                        |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21        | (1.720.449.504)          | (406.397.814)          |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn   | 22        | 31.228.072.727           | -                      |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác           | 23        | (672.920.228.000)        | (61.450.000.000)       |
| 2. Tiền thu hồi vốn cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác   | 24        | 44.486.649.000           | 64.391.613.022         |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                        | 25        | -                        | (6.455.849.104)        |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác                   | 26        | 63.337.450.000           | -                      |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia            | 27        | 900.000.000              | -                      |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>                  | <b>30</b> | <b>(534.688.505.777)</b> | <b>(3.920.633.896)</b> |
| <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>                |           |                          |                        |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được                           | 33        | 300.000.000.000          | 5.250.000.000          |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay                                        | 34        | (11.899.243.100)         | (8.048.948.000)        |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>               | <b>40</b> | <b>288.100.756.900</b>   | <b>(2.798.948.000)</b> |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</i>              | <b>50</b> | <b>161.770.582.598</b>   | <b>9.711.234.369</b>   |
| <i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>                           | <b>60</b> | <b>11.838.586.468</b>    | <b>2.127.352.099</b>   |
| <i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>    | <b>61</b> | <b>-</b>                 | <b>-</b>               |
| <i>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</i>            | <b>70</b> | <b>173.609.169.066</b>   | <b>11.838.586.468</b>  |



Nguyễn Mai Phương  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 31 tháng 3 năm 2011

*Cele*  
Nguyễn Mạnh Cường  
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 18 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Stock Mart Việt Nam, tiền thân là Công ty cổ phần Chứng khoán Gia Phát, được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 65/UBCK-GP ngày 03 tháng 12 năm 2007 và các giấy phép điều chỉnh: Quyết định số 183/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 16 tháng 1 năm 2009 về thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty; Quyết định số 269/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 19 tháng 10 năm 2009 về đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Stock Mart Việt Nam; Quyết định số 273/UBCK-GP ngày 04 tháng 11 năm 2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về thay đổi trụ sở chính của Công ty; và Quyết định số 362/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 25 tháng 10 năm 2010 về thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 50 (31 tháng 12 năm 2009: 30).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán với hoạt động chính của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Chế độ kế toán doanh nghiệp được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG**

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc của công ty chứng khoán và của nhà đầu tư tại tài khoản của công ty chứng khoán mở ở ngân hàng chỉ định để thực hiện các giao dịch xóa lệnh, khớp lệnh, thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán.

**Đầu tư ngắn hạn**

Đầu tư ngắn hạn bao gồm chứng khoán thương mại và các khoản đầu tư ngắn hạn khác của Công ty. Đầu tư ngắn hạn khác chủ yếu bao gồm hình thức "hợp tác đầu tư với nhà đầu tư và ủy thác quản lý danh mục đầu tư với các đối tác. Theo đó lợi nhuận phân chia cho Công ty không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của nhà đầu tư; Công ty được hưởng lợi nhuận theo tỷ lệ cố định trên phần vốn hợp tác của mình, theo số ngày thực tế hợp tác.

Đầu tư ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư được Công ty vận dụng theo như hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Theo đó:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết, Công ty áp dụng giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng đối với chứng khoán niêm yết tại sàn HNX và giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng đối với chứng khoán niêm yết tại sàn HOSE.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết, dự phòng giảm giá cho các chứng khoán được thực hiện trên cơ sở đánh giá của Ban Giám đốc về giá trị suy giảm của các cổ phiếu, dựa trên việc tham khảo báo giá của các công ty chứng khoán khác do Công ty thu thập bao gồm: Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí, Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam và Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt.
- Đối với hoạt động hợp tác đầu tư, dự phòng giảm giá được thực hiện trên cơ sở đánh giá của Ban Giám đốc đối với từng hợp đồng hợp tác đầu tư phù hợp với điều kiện thị trường chứng khoán tại thời điểm trích lập dự phòng.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán của Công ty.

Giá gốc của các khoản đầu tư xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Phải thu khách hàng bao gồm phải thu phí dịch vụ, cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư; phải thu ứng trước tiền bán chứng khoán cho người đầu tư và phải thu nhà đầu tư mua cổ phiếu.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

|                     | 2010    |
|---------------------|---------|
|                     | Số năm  |
| Máy móc và thiết bị | 06 - 10 |
| Phương tiện vận tải | 06 - 10 |

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm ứng dụng được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

**Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán**

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư.

**Doanh thu***Hoạt động môi giới chứng khoán*

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

*Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn*

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán là khoản thu nhập từ chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của Công ty được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Giao dịch chứng khoán.

Doanh thu từ hoạt động đầu tư góp vốn là lãi thu được từ cổ phiếu và trái phiếu. Lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do công ty nắm giữ. Lãi trái phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

*Hoạt động bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành chứng khoán*

Doanh thu hoạt động bảo lãnh phát hành và đại lý phát hành chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi hoàn thành việc thông báo kết quả phát hành chứng khoán.

*Hoạt động tư vấn*

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

*Hoạt động lưu ký chứng khoán*

Doanh thu từ hoạt động lưu ký chứng khoán cho người đầu tư được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi thực thu.

*Doanh thu khác*

Doanh thu khác là doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi kỳ phiếu ngân hàng, lãi thu được từ việc cho vay ứng trước tiền nhận quyền bán chứng khoán... được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STOCK MART VIỆT NAM**

Tầng 1, Tòa nhà Hàng Hải, Số 1 Đào Duy Anh, quận Đống Đa

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN**

|                                                  | 31/12/2010             | 31/12/2009            |
|--------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|
|                                                  | VND                    | VND                   |
| Tiền mặt                                         | 9.632.258              | 8.781.988.296         |
| Tiền gửi ngân hàng                               | 382.462.450            | 422.467.673           |
| Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán | 173.157.734.024        | 2.436.851.638         |
| Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán | 59.340.334             | 197.278.861           |
|                                                  | <b>173.609.169.066</b> | <b>11.838.586.468</b> |

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

|                                               | 31/12/2010               | 31/12/2009            |
|-----------------------------------------------|--------------------------|-----------------------|
|                                               | VND                      | VND                   |
| <b>Chứng khoán thương mại</b>                 |                          |                       |
| Cổ phiếu niêm yết                             | -                        | -                     |
| Cổ phiếu chưa niêm yết                        | -                        | 11.558.686.518        |
| Trái phiếu (i)                                | 450.000.000.000          | -                     |
|                                               | <b>450.000.000.000</b>   | <b>11.558.686.518</b> |
| <b>Đầu tư ngắn hạn khác</b>                   |                          |                       |
| Hợp tác đầu tư (ii)                           | 94.500.000.000           | -                     |
| Ủy thác quản lý danh mục đầu tư (iii)         | 340.000.000.000          | -                     |
| Chứng quyền (iv)                              | 238.338.628.000          | -                     |
| Hợp đồng repo cổ phiếu                        | -                        | 44.486.649.000        |
|                                               | <b>672.838.628.000</b>   | <b>44.486.649.000</b> |
| <b>Trừ: Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn</b> |                          |                       |
| Dự phòng chứng khoán chưa niêm yết            | -                        | (647.796.518)         |
|                                               | -                        | <b>(647.796.518)</b>  |
| <b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>              | <b>1.122.838.628.000</b> | <b>55.397.539.000</b> |

(i) Ngày 30 tháng 11 năm 2010, Công ty đã ký kết hợp đồng mua 450 trái phiếu mệnh giá 1 tỷ đồng với một đối tác. Đến ngày 13 tháng 01 năm 2011, Công ty đã ký hợp đồng và bán và thu tiền toàn bộ số trái phiếu này cho một đối tác khác. Đến thời điểm hiện tại, toàn bộ các giao dịch đã hoàn thành và tất toán.

(ii) Các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết phát sinh từ tháng 11 năm 2010 với các cá nhân với thời gian hợp tác 9 tháng kể từ ngày hợp tác, Công ty được hưởng lãi suất cố định 11,5%/năm. Tài sản đảm bảo cho các hợp đồng này là các chứng khoán được đầu tư bằng nguồn vốn hợp tác và các chứng khoán có trên tài khoản của các cá nhân nhận hợp tác đầu tư và trong mọi trường hợp các cá nhân phải hoàn trả đủ, đúng hạn phần vốn góp đầu tư ban đầu. Theo đánh giá của Công ty, tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, giá trị các chứng khoán đầu tư đều cao hơn giá trị hợp tác đầu tư nên Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá cho các hợp đồng này.

(iii) Đây giá trị vốn ủy thác theo các hợp đồng quản lý danh mục đầu tư với Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT theo 2 hợp đồng số 65 ngày 20 tháng 12 năm 2010 (số tiền ủy thác 200 tỷ đồng, thời hạn ủy thác đến ngày 21 tháng 6 năm 2011 với lợi nhuận kỳ vọng 3 tháng đầu là 16,5%/năm và 3 tháng sau là 17,5%/năm) và hợp đồng số 66 ngày 29 tháng 12 năm 2010 (số tiền ủy thác 140 tỷ, thời hạn ủy thác 12 tháng, lợi nhuận kỳ vọng 17%/năm). Công ty chịu toàn bộ rủi ro liên quan tới các hoạt động đầu tư này. Theo đánh giá của Công ty, tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, số tiền trên hiện đã được mang đi đặt cọc mua cổ phiếu và không có dấu hiệu suy giảm giá trị nên Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá cho các hợp đồng này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STOCK MART VIỆT NAM**

Tầng 1, Tòa nhà Hàng Hải, Số 1 Đào Duy Anh, quận Đống Đa

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

- (iv) Giá trị chứng quyền FPT theo hợp đồng nhận chuyển nhượng 1.910.700 chứng quyền đính kèm trái phiếu FPT ký ngày 30 tháng 11 năm 2010. Cùng ngày 30 tháng 11 năm 2010, Công ty đã ký kết hợp đồng cam kết chuyển nhượng số chứng quyền này cho một đối tác khác. Thời điểm chuyển nhượng là ngày 30 tháng 11 năm 2011. Theo đánh giá của Công ty, mặc dù tại ngày lập báo cáo, không có thông tin giao dịch trên thị trường liên quan tới các chứng quyền này nhưng Công ty tin tưởng rằng đây là các chứng khoán tốt và được phát hành bởi công ty có uy tín, tiềm năng. Đồng thời, đối tác nhận chuyển nhượng là một đối tác có tiềm năng và uy tín nên chắc chắn sẽ thực hiện hợp đồng nhận chuyển nhượng số chứng quyền trên khi hợp đồng đến hạn thực hiện. Theo đó, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá đối với các chứng quyền này.

**7. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

|                                      | 31/12/2010            | 31/12/2009            |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                      | VND                   | VND                   |
| Phải thu nhà đầu tư mua cổ phiếu (*) | 34.559.550.000        | 92.780.000.000        |
| Phải thu khác                        | 511.950.796           | 878.006.833           |
|                                      | <b>35.071.500.796</b> | <b>93.658.006.833</b> |

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, số dư phải thu nhà đầu tư mua cổ phiếu bao gồm các khoản chủ yếu sau:

- Phải thu cá nhân tiền mua cổ phiếu từ năm 2009 với số dư tại 31 tháng 12 năm 2010 là 17.480.990.000 đồng. Ngày 8 tháng 3 năm 2011 Công ty đã thu được đầy đủ số tiền này.
- Phải thu Công ty cổ phần Tài chính và Đầu tư Gia Phát với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 17.078.560.000 đồng. Ngày 8 tháng 3 năm 2011 Công ty đã thu được đầy đủ số tiền này.

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

|                                                      | 31/12/2010           | 31/12/2009         |
|------------------------------------------------------|----------------------|--------------------|
|                                                      | VND                  | VND                |
| Phải thu Sở giao dịch chứng khoán                    | -                    | 21.931.335         |
| Phải thu từ hợp đồng ủy thác quản lý danh mục đầu tư | 1.507.458.333        | -                  |
| Phải thu khác                                        | 1.426.893.418        | 874.057.847        |
|                                                      | <b>2.934.351.751</b> | <b>895.989.182</b> |

**9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

|                                      | 31/12/2010           | 31/12/2009         |
|--------------------------------------|----------------------|--------------------|
|                                      | VND                  | VND                |
| Tạm ứng                              | 366.101.000          | 691.629.683        |
| Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn (*) | 5.500.000.000        | -                  |
|                                      | <b>5.866.101.000</b> | <b>691.629.683</b> |

(\*) Đây là giá trị Công ty ứng trước cho người bán cổ phiếu theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phiếu với đối tác. Đến thời điểm hiện tại, Công ty đã thanh toán 100% giá trị hợp đồng và đang hoàn tất các thủ tục sang tên sở hữu cổ phần. Theo đánh giá của Công ty, đây là các cổ phiếu tốt và không có dấu hiệu suy giảm giá trị nên tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá cho các mã chứng khoán này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STOCK MART VIỆT NAM**

Tầng 1, Tòa nhà Hàng Hải, Số 1 Đào Duy Anh, quận Đống Đa

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

|                               | Máy móc và<br>thiết bị<br>VND | Phương tiện<br>vận tải<br>VND | Tổng<br>VND          |
|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|----------------------|
| <b>NGUYÊN GIÁ</b>             |                               |                               |                      |
| Tại ngày 01/01/2010           | 3.207.303.323                 | 1.493.782.300                 | 4.701.085.623        |
| Tăng trong năm                | 1.326.614.504                 | -                             | 1.326.614.504        |
| Thanh lý, nhượng bán          | 419.346.912                   | 1.478.982.300                 | 1.898.329.212        |
| Tại ngày 31/12/2010           | <u>4.114.570.915</u>          | <u>14.800.000</u>             | <u>4.129.370.915</u> |
| <b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b> |                               |                               |                      |
| Tại ngày 01/01/2010           | 2.177.738.365                 | 532.203.159                   | 2.709.941.524        |
| Khấu hao trong năm            | 797.073.651                   | 166.798.035                   | 963.871.686          |
| Thanh lý, nhượng bán          | 348.355.118                   | 692.217.859                   | 1.040.572.977        |
| Tại ngày 31/12/2010           | <u>2.626.456.898</u>          | <u>6.783.335</u>              | <u>2.633.240.233</u> |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>        |                               |                               |                      |
| Tại ngày 31/12/2010           | <u>1.488.114.017</u>          | <u>8.016.665</u>              | <u>1.496.130.682</u> |
| Tại ngày 31/12/2009           | <u>1.029.564.958</u>          | <u>961.579.141</u>            | <u>1.991.144.099</u> |

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

|                               | Quyền sử<br>dụng đất<br>VND | Phần mềm<br>máy tính<br>VND | Tổng<br>VND           |
|-------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------|
| <b>NGUYÊN GIÁ</b>             |                             |                             |                       |
| Tại ngày 01/01/2010           | 29.841.800.000              | 2.127.344.738               | 31.969.144.738        |
| Tăng trong năm                | -                           | 393.835.000                 | 393.835.000           |
| Thanh lý, nhượng bán (*)      | 29.841.800.000              | -                           | 29.841.800.000        |
| Tại ngày 31/12/2010           | <u>-</u>                    | <u>2.521.179.738</u>        | <u>2.521.179.738</u>  |
| <b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b> |                             |                             |                       |
| Tại ngày 01/01/2010           | -                           | 1.160.808.249               | 1.160.808.249         |
| Khấu hao trong kỳ             | -                           | 768.702.987                 | 768.702.987           |
| Thanh lý, nhượng bán          | -                           | -                           | -                     |
| Tại ngày 31/12/2010           | <u>-</u>                    | <u>1.929.511.236</u>        | <u>1.929.511.236</u>  |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>        |                             |                             |                       |
| Tại ngày 31/12/2010           | <u>-</u>                    | <u>591.668.502</u>          | <u>591.668.502</u>    |
| Tại ngày 31/12/2009           | <u>29.841.800.000</u>       | <u>966.536.489</u>          | <u>30.808.336.489</u> |

(\*) Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất giảm trong năm theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất địa chỉ số 177A đường Lê Duẩn, phường Nguyễn Du, quận hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội ngày 3 tháng 6 năm 2010 ký với một cá nhân, giá chuyển nhượng là 33.780.000.000 VND, sửa đổi là 30.080.000.000 VND theo văn bản sửa đổi bổ sung ngày 29 tháng 9 năm 2010. Đến ngày 30 tháng 9 năm 2010 Công ty đã thu đủ giá trị chuyển nhượng nêu trên.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STOCK MART VIỆT NAM**

Tầng 1, Tòa nhà Hàng Hải, Số 1 Đào Duy Anh, quận Đống Đa

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

|                                                      | <u>31/12/2010</u>      | <u>31/12/2009</u>  |
|------------------------------------------------------|------------------------|--------------------|
|                                                      | <u>VND</u>             | <u>VND</u>         |
| Vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ | -                      | 267.665.100        |
| Hợp nhất                                             |                        |                    |
| Phát hành trái phiếu (*)                             | 300.000.000.000        | -                  |
|                                                      | <u>300.000.000.000</u> | <u>267.665.100</u> |

(\*) Là số dư hợp đồng phát hành và mua trái phiếu ký với một Ngân hàng tại ngày 29 tháng 12 năm 2010. Công ty phát hành 300 trái phiếu, mệnh giá 1 tỷ đồng/1 trái phiếu, kỳ hạn 1 năm, lãi suất thay đổi 3 tháng/lần vào ngày 29 của tháng và bằng lãi suất tiết kiệm thường VND lãi trả sau kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh nhưng không thấp hơn lãi suất kỳ đầu tiên. Lãi suất áp dụng kỳ đầu tiên là 17%/năm. Tiền lãi được thanh toán 3 tháng 1 lần vào ngày 29 của tháng, trên cơ sở 1 năm có 360 ngày và theo số ngày thực tế trên mệnh giá trái phiếu chưa thanh toán.

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

Như trình bày tại Thuyết minh số 6 (i), tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, số dư phải trả người bán bao gồm khoản phải trả Công ty cổ phần Tài chính Điện lực với số tiền 450 tỷ đồng theo hợp đồng mua bán trái phiếu của Công ty TNHH Đại Lãi số 30112010/MBTP/EVNFC-STOCKMART ngày 30 tháng 11 năm 2010. Đến thời điểm hiện tại, toàn bộ các giao dịch đã hoàn thành và tất toán.

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

|                            | <u>31/12/2010</u>  | <u>31/12/2009</u> |
|----------------------------|--------------------|-------------------|
|                            | <u>VND</u>         | <u>VND</u>        |
| <b>Thuế</b>                |                    |                   |
| Thuế giá trị gia tăng      | -                  | 6.176.984         |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 107.134.653        | 77.470.986        |
| Thuế thu nhập cá nhân      | 577.419.961        | 2.232.655         |
|                            | <u>684.554.614</u> | <u>85.880.625</u> |

**15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

|                                                   | <u>31/12/2010</u>      | <u>31/12/2009</u> |
|---------------------------------------------------|------------------------|-------------------|
|                                                   | <u>VND</u>             | <u>VND</u>        |
| Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn của nhà đầu tư      | 171.989.239.028        | -                 |
| Nhận đặt cọc hợp đồng môi giới mua trái phiếu (*) | 244.338.628.000        | -                 |
| Phải trả, phải nộp khác                           | 45.168.033             | 28.968.695        |
|                                                   | <u>416.373.035.061</u> | <u>28.968.695</u> |

(\*) Số dư nhận đặt cọc của các hợp đồng môi giới mua trái phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 chủ yếu bao gồm tiền nhận đặt cọc của Ngân hàng TMCP Tiên Phong với giá trị 238.338.628.000 đồng, tương ứng với 50% giá trị hợp đồng. Thời hạn hợp đồng: 3 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Trong thời hạn hợp đồng, tiền đặt cọc được hưởng lãi suất 15,5%/năm tính trên số ngày và số dư thực tế. Công ty hưởng phí môi giới bằng 0.1% trên tổng giá trị trái phiếu giao dịch thành công thông qua môi giới.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STOCK MART VIỆT NAM**

Tầng 1, Tòa nhà Hàng Hải, Số 1 Đào Duy Anh, quận Đống Đa  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**16. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

Doanh thu chưa thực hiện tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là số lãi tiền gửi nhận trước của hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 3 năm tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong. Tuy nhiên, tại ngày 10 tháng 1 năm 2011, Công ty đã tắt toán trước hạn hợp đồng này, hoàn trả số tiền lãi nhận trước này cho Ngân hàng.

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

|                     | Vốn điều lệ     | Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | Lợi nhuận chưa phân phối | Tổng            |
|---------------------|-----------------|--------------------------------|--------------------------|-----------------|
|                     | VND             | VND                            | VND                      | VND             |
| Tại ngày 31/12/2009 | 135.000.000.000 | 45.804.456                     | 232.412.957              | 135.278.217.413 |
| Lợi nhuận trong năm | -               | -                              | 1.249.118.699            | 1.249.118.699   |
| Điều chỉnh (*)      | -               | -                              | (43.347.924)             | (43.347.924)    |
| Tại ngày 31/12/2010 | 135.000.000.000 | 45.804.456                     | 1.438.183.732            | 136.483.988.188 |

Theo Thông tư số 11/2000/TT-BTC ngày 1 tháng 2 năm 2000 của Bộ Tài chính, các công ty chứng khoán phải trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự trữ bắt buộc theo tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế cho mỗi quỹ cho đến khi mỗi quỹ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

(\*) Điều chỉnh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2009 theo biên bản quyết toán thuế năm 2009.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy phép số 65/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 3 tháng 12 năm 2007, vốn điều lệ của Công ty là 135.000.000.000 VND.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được góp đủ như sau:

| Cổ đông                            | Theo Giấy phép kinh doanh |     | Vốn điều lệ đã góp |     |
|------------------------------------|---------------------------|-----|--------------------|-----|
|                                    | VND                       | %   | VND                | %   |
| Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex | 10.800.000.000            | 8   | 10.800.000.000     | 8   |
| Công ty CP Xây dựng Cotec          | 10.800.000.000            | 8   | 10.800.000.000     | 8   |
| Nguyễn Thị Mai Linh                | 113.400.000.000           | 84  | 113.400.000.000    | 84  |
|                                    | 135.000.000.000           | 100 | 135.000.000.000    | 100 |

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, các cổ đông nêu trên đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần nắm giữ cho một số cá nhân và cho một pháp nhân là Công ty cổ phần Quản lý quỹ đầu tư FPT. Hiện tại, Công ty đang làm các thủ tục liên quan để thông báo sự thay đổi cổ đông nói trên tới Ủy ban Chứng khoán nhà nước và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STOCK MART VIỆT NAM**

Tầng 1, Tòa nhà Hàng Hải, Số 1 Đào Duy Anh, quận Đống Đa

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

|                                               | <b>2010</b>          | <b>2009</b>          |
|-----------------------------------------------|----------------------|----------------------|
|                                               | <b>VND</b>           | <b>VND</b>           |
| Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán        | 1.209.068.866        | 428.711.637          |
| Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn | 8.253.276.518        | 13.133.854.682       |
| Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán          | 56.028.588           | 9.928.978            |
| (Hoàn nhập dự phòng)                          | (10.922.796.518)     | (12.778.019.682)     |
| Chi phí khác                                  | 831.680.076          | 8.026.437.729        |
|                                               | <b>(572.742.470)</b> | <b>8.820.913.344</b> |

**19. THU NHẬP KHÁC**

|                                       | <b>2010</b>           | <b>2009</b>      |
|---------------------------------------|-----------------------|------------------|
|                                       | <b>VND</b>            | <b>VND</b>       |
| Thu từ chuyển nhượng bất động sản (*) | 30.080.000.000        |                  |
| Thu từ thanh lý tài sản cố định       | 1.148.072.727         |                  |
| Thu nhập khác                         | 3.259.256             | 4.857.629        |
|                                       | <b>31.231.331.983</b> | <b>4.857.629</b> |

(\*) Đây là số tiền thu được từ việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 177A đường Lê Duẩn, phường Nguyễn Du, quận hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Chi phí liên quan tới hợp đồng chuyển nhượng được trình bày tại Thuyết minh số 20 dưới đây. Chi tiết về giao dịch được trình bày tại Thuyết minh số 11 - "Tài sản cố định vô hình".

**20. CHI PHÍ KHÁC**

|                                    | <b>2010</b>           | <b>2009</b>          |
|------------------------------------|-----------------------|----------------------|
|                                    | <b>VND</b>            | <b>VND</b>           |
| Chi cho chuyển nhượng bất động sản | 29.841.800.000        | -                    |
| Phạt vi phạm hợp đồng (*)          | 11.590.985.944        | 3.535.870.000        |
| Chi cho thanh lý tài sản cố định   | 857.756.235           | -                    |
| Chi phí khác                       | 60.417.427            | 2.961.092            |
|                                    | <b>42.350.959.606</b> | <b>3.538.831.092</b> |

(\*) Bản chất của chi phí phạt vi phạm hợp đồng chủ yếu từ việc Công ty nhận tiền của đối tác để thực hiện dịch vụ môi giới thu mua trái phiếu với lãi suất cao. Hết thời hạn hợp đồng, do Công ty không mua được trái phiếu nên phải trả đối tác chi phí lãi với một mức lãi suất cố định đã được thống nhất từ khi ký kết hợp đồng môi giới.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

|                                                                           | 2010               | 2009              |
|---------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------|
|                                                                           | VND                | VND               |
| <i>Thuế Thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh</i>        |                    |                   |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                                         | 1.358.677.660      | 35.572.312.668    |
| Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế                                         |                    |                   |
| Trừ: Thu nhập không chịu thuế                                             | 933.978.000        | -                 |
| Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ                               | 13.536.184         | -                 |
| Lỗi năm trước chuyển sang                                                 | -                  | (35.262.428.725)  |
| Thu nhập chịu thuế                                                        | 438.235.844        | 309.883.943       |
| Trừ: Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản                     | 226.572.000        |                   |
| Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh                       | 211.663.844        |                   |
| Thuế suất                                                                 | 25%                | 25%               |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh               | 52.915.961         | 77.470.986        |
| <i>Thuế Thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản</i> |                    |                   |
| Doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản                         | 30.080.000.000     | -                 |
| Chi phí từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản                           | 29.853.428.000     | -                 |
| Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản                          | 226.572.000        | -                 |
| Thuế suất                                                                 | 25%                | -                 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản        | 56.643.000         | -                 |
| <b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>                            | <b>109.558.961</b> | <b>77.470.986</b> |

**22. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Hiện tại, Công ty đang có hợp đồng thuê văn phòng tại Tầng 1, Tòa nhà Hàng Hải, số 1 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội với Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam với thời hạn thuê là 6 năm từ ngày 23 tháng 9 năm 2009 đến hết ngày 22 tháng 9 năm 2015, giá thuê là 8.960 USD/tháng.

**23. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Số dư với các bên liên quan:*

|                                                                                        | 31/12/2010     | 31/12/2009      |
|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------|
|                                                                                        | VND            | VND             |
| <b>Các khoản phải thu</b>                                                              |                |                 |
| Ông Lê Quốc Hưng                                                                       | -              | 23.830.000.000  |
| Ông Đỗ Vũ Diên                                                                         | -              | 18.900.000.000  |
| Ông Vũ Duy Thành                                                                       | 17.480.990.000 | 19.500.000.000  |
| Công ty cổ phần Tài chính và Đầu tư Gia Phát                                           | 17.078.560.000 | 30.550.000.000  |
| Hợp tác đầu tư kinh doanh chứng khoán với cán bộ của Công ty                           | 94.500.000.000 | -               |
| <b>Các khoản phải trả</b>                                                              |                |                 |
| Vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex                                                 | -              | 11.631.578.000  |
| Nhận tiền đặt cọc hợp đồng môi giới chứng khoán của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex | -              | 181.283.000.000 |



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STOCK MART VIỆT NAM**

Tầng 1, Tòa nhà Hàng Hải, Số 1 Đào Duy Anh, quận Đống Đa

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24. BÁO CÁO VỀ GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TRONG NĂM**

| CHỈ TIÊU                               | Năm 2010             |                          |
|----------------------------------------|----------------------|--------------------------|
|                                        | Khối lượng giao dịch | Giá trị giao dịch (VND)  |
| <b>1. Chứng khoán của Công ty</b>      |                      |                          |
| Cổ phiếu                               | 4.800                | 65.760.000               |
| Trái phiếu                             | 450                  | 450.000.000.000          |
| Chứng khoán khác                       | 4.203.680            | 67.479.886.518           |
| <b>2. Chứng khoán của người đầu tư</b> |                      |                          |
| Cổ phiếu                               | 106.497.766          | 2.137.135.445.600        |
|                                        | <b>110.706.696</b>   | <b>2.654.681.092.118</b> |

**25. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác với ý kiến chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Mai Phương  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 31 tháng 3 năm 2011

Nguyễn Mạnh Cường  
Kê toán trưởng